

Số: 405 /STC-TCĐT

Trà Vinh, ngày 19 tháng 7 năm 2019

V/v báo cáo tình hình quyết toán dự
án hoàn thành 6 tháng đầu năm 2019

Kính gửi: Bộ Tài chính (Vụ Đầu tư)

Thực hiện Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước; Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước;

Sở Tài chính Trà Vinh báo cáo tình hình quyết toán dự án hoàn thành 06 tháng đầu năm 2019 như sau:

I. Đối với dự án cấp tỉnh quản lý:

1. Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán: tổng số 94 dự án (trong đó: 04 dự án nhóm B, 90 dự án nhóm C) giảm hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 18%; với tổng mức đầu tư 649.842 triệu đồng, tổng giá trị chủ đầu tư đề nghị quyết toán 582.542 triệu đồng, tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 580.189 triệu đồng, giảm trừ so với chủ đầu tư đề nghị là 2.259 triệu đồng.

2. Dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán là 20 dự án (trong đó: 03 dự án nhóm B, 17 dự án nhóm C), giảm hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 9%; với tổng mức đầu tư 522.732 triệu đồng, số đề nghị quyết toán 366.300 triệu đồng.

3. Dự án hoàn thành chưa gửi báo cáo quyết toán 27 dự án (gồm 01 dự án nhóm A, 10 dự án nhóm B, 16 dự án nhóm C), tăng hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 4%; với tổng mức đầu tư 2.414.367 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 1.578.238 triệu đồng. Trong đó:

- Trong thời gian lập báo cáo quyết toán: 07 dự án (gồm 01 dự án nhóm A, 06 dự án nhóm C) với tổng mức đầu tư 1.136.343 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 966.731 triệu đồng.

- Chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng: 15 dự án (gồm 09 dự án nhóm B, 06 dự án nhóm C) với tổng mức đầu tư 1.153.402 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 513.719 triệu đồng.

- Chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng: 05 dự án (gồm 01 dự án nhóm B, 04 dự án nhóm C), với tổng mức đầu tư 124.622 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 97.788 triệu đồng.

II. Đối với dự án cấp huyện quản lý:

1. Dự án hoàn thành đã phê duyệt quyết toán: tổng số 277 dự án nhóm C, giảm hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 41%; với tổng mức đầu tư 343.008 triệu đồng, tổng giá trị đề nghị quyết toán 298.866 triệu đồng, tổng giá trị quyết toán được phê duyệt 297.905 triệu đồng, giảm 961 triệu đồng.

2. Dự án hoàn thành đã nộp báo cáo quyết toán là 101 dự án nhóm C, giảm hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 40%; với tổng mức đầu tư 126.822 triệu đồng, tổng giá trị đề nghị quyết toán 99.440 triệu. Trong đó:

- Trong thời gian thẩm tra quyết toán có 16 dự án hoàn thành với tổng mức đầu tư 40.838 triệu đồng, tổng giá trị đề nghị quyết toán 35.175 triệu đồng.

- Chậm thẩm tra quyết toán dưới 24 tháng có 49 dự án hoàn thành với tổng mức đầu tư 69.547 triệu đồng, tổng giá trị đề nghị quyết toán 49.619 triệu đồng.

- Chậm thẩm tra quyết toán trên 24 tháng có 26 dự án nhóm C, với tổng mức đầu tư 16.437 triệu đồng, tổng giá trị đề nghị quyết toán 14.646 triệu đồng.

3. Dự án hoàn thành chưa gửi báo cáo quyết toán: 363 dự án nhóm C, tăng hơn so với cùng kỳ năm 2018 khoảng 12%; với tổng mức đầu tư 423.825 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 328.357 trđ. Trong đó:

- Trong thời gian lập báo cáo quyết có 66 dự án hoàn thành với tổng mức đầu tư 90.542 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 64.578 triệu đồng.

- Chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng: 247 dự án nhóm C với tổng mức đầu tư 272.902 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 208.965 triệu đồng.

- Chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng: 50 dự án nhóm C, với tổng mức đầu tư 60.381 triệu đồng, lũy kế số thanh toán 54.814 triệu đồng.

(Chi tiết theo mẫu số 11/QTDA đính kèm)

Sở Tài chính báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định./. ♣

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở TC (b/c);
- Lưu: VT, TCĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thanh Dũng

BÁO CÁO TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN DỰ ÁN HOÀN THÀNH 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Kèm theo Công văn số: 405 /STC-TCĐT ngày 19/7/2019 của Sở Tài chính Trà Vinh)

1. Dự án đã phê duyệt quyết toán trong kỳ báo cáo

Đơn vị: triệu đồng

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9
A	BÁO CÁO TỔNG SỐ DỰ ÁN							
	Tổng cộng		371	992.850	881.408	878.094	3.220	20.670
	Dự án QTQG		0	-	-	-	-	-
	Nhóm A		0	-	-	-	-	-
	Nhóm B		4	156.985	147.304	146.942	362	836
	Nhóm C		367	835.865	734.104	731.152	2.858	19.834
B	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ CẤP DƯỚI							
I	Dự án cấp tỉnh quản lý		94	649.842	582.542	580.189	2.259	16.551
	Dự án QTQG		0	-	-	-	-	-
	Nhóm A		0	-	-	-	-	-
	Nhóm B		4	156.985	147.304	146.942	362	836
1		Sở Y tế	1	41.000	40.763	40.669	94	204
2		Trường Đại học Trà Vinh	3	115.985	106.541	106.273	268	632
	Nhóm C		90	492.857	435.238	433.247	1.897	15.715
1		Ban Quản lý khu kinh tế	2	5.129	4.158	4.158	-	166
2		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1	8.223	7.843	7.844	(1)	1.386
3		Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng	3	10.353	9.744	9.785	(41)	254
4		Công an tỉnh	2	9.290	8.929	8.692	237	235
5		Thanh tra tỉnh	1	2.034	1.785	1.797	(12)	12

Đơn vị: triệu đồng

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9
6		Sở Nội vụ	1	2.197	1.572	1.566	6	10
7		Sở Nông nghiệp & PTNT	1	2.408	2.128	2.066	62	370
8		Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Trà Vinh	22	44.043	40.105	40.081	24	1.077
9		Chi cục Thủy lợi	1	741	699	699	-	181
10		Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường	2	10.499	10.239	9.955	284	168
11		Sở Giáo dục và Đào tạo	7	39.504	33.683	33.197	486	2.572
12		Trường Đại học Trà Vinh	1	9.500	8.067	8.055	12	45
13		Đoạn quản lý giao thông thủy bộ	10	30.106	27.627	27.627	-	256
14		Sở Giao thông vận tải	5	19.070	15.477	15.471	6	775
15		Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	2	1.289	1.171	1.169	2	11
16		Trường CD Y tế	1	751	707	707	-	7
17		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	1.987	1.833	1.849	(16)	49
18		Sở Y tế	9	85.789	77.327	77.200	33	1.723
19		Ủy ban MTTQ tỉnh	1	2.819	2.634	2.651	(17)	151
20		Văn phòng UBND tỉnh	1	1.921	1.698	1.696	2	16
21		Đài Phát thanh và Truyền hình	1	29.990	29.037	28.843	194	1.034

Đơn vị: triệu đồng

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Giá trị đề nghị quyết toán	Giá trị quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số vốn còn lại chưa thanh toán so với giá trị quyết toán được duyệt
1	2	3	4	5	6	7	8=6-7	9
22		UBND huyện Cầu Ngang	2	10.644	9.564	9.479	85	226
23		UBND huyện Cầu Kè	2	30.104	21.375	21.400	(25)	450
24		UBND thị xã Duyên Hải	1	14.925	12.358	12.312	46	78
25		UBND huyện Trà Cú	3	52.984	47.039	46.685	354	1.511
26		UBND huyện Tiểu Cần	3	43.272	38.055	37.906	149	2.561
27		UBND huyện Châu Thành	3	10.033	9.090	9.075	15	218
28		UBND huyện Càng Long	1	13.252	11.294	11.282	12	173
II	Dự án cấp huyện quản lý		277	343.008	298.866	297.905	961	4.119
	Dự án QTQG		0	-	-	-	-	
	Nhóm A		0	-	-	-	-	
	Nhóm B		0	-	-	-	-	
	Nhóm C		277	343.008	298.866	297.905	961	4.119
1		Thành phố Trà Vinh	22	39.960	35.490	35.486	4	-
2		Huyện Cầu Ngang	17	13.997	12.926	12.915	11	-
3		Huyện Cầu Kè	20	36.632	32.878	32.859	19	134
4		Thị xã Duyên Hải	35	40.503	33.060	33.017	43	-
5		Huyện Duyên Hải	-	-	-	-	-	-
6		Huyện Trà Cú	14	8.970	8.045	8.032	13	73
7		Huyện Tiểu Cần	4	6.712	6.347	6.347	-	67
8		Huyện Châu Thành	101	131.175	116.691	115.921	770	3.845
9		Huyện Càng Long	64	65.059	53.429	53.328	101	-

2. Dự án chưa phê duyệt quyết toán

a) Dự án đã nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng			Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
A BÁO CÁO TỔNG SỐ DỰ ÁN												
	Tổng cộng		46	563.570	401.475	49	69.547	49.619	26	16.437	14.646	
	Dự án QTQG		0	-	-	0	-	-	0	-	-	
	Nhóm A		0	-	-	0	-	-	0	-	-	
	Nhóm B		3	214.540	119.668	0	-	-	0	-	-	
	Nhóm C		43	349.030	281.807	49	69.547	49.619	26	16.437	14.646	
B CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ CẤP DƯỚI												
I	Dự án cấp tỉnh quản lý		20	522.732	366.300	-	-	-	-	-	-	
	Dự án QTQG		0	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Nhóm A		0	-	-	-	-	-	-	-	-	
	Nhóm B		3	214.540	119.668	-	-	-	-	-	-	
1		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	106.670	34.131							Đã phát hành Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra
2		Trường ĐH Trà Vinh	1	62.883	53.090							Đã trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm tra
3		Sở Giáo dục và Đào tạo	1	44.987	32.447							Đã trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm tra
	Nhóm C		17	308.192	246.632	-	-	-	-	-	-	

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng			Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1	28.043	8.591							Đã phát hành Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra
2		Sở Y tế	3	26.875	21.394							Đã phát hành báo cáo thẩm tra 02 dự án; trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán 01 dự án
3		Trường ĐH Trà Vinh	1	24.273	19.119							
4		Sở Thông tin và Truyền thông	2	23.060	20.421							Đã trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm tra 02 dự án
5		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	1	2.367	1.997							Đã phát hành Báo cáo kết quả thẩm tra
6		UBND thành phố Trà Vinh	1	25.386	20.689							Đã phát hành Báo cáo kết quả thẩm tra
7		UBND huyện Càng Long	1	11.462	9.562							

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng			Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
8		UBND huyện Tiểu Cần	2	57.517	49.062							Đã phát hành Dự thảo báo cáo thẩm tra 02 dự án
9		UBND huyện Cầu Ngang	2	43.647	37.309							Đã trình UBND tỉnh phê duyệt kết quả thẩm tra 01 dự án
10		UBND huyện Châu Thành	2	38.617	34.940							Đã phát hành báo cáo thẩm tra 01 dự án; trình UBND tỉnh phê duyệt quyết toán 01 dự án
11		UBND huyện Duyên Hải	1	26.945	23.548							Đã phát hành Dự thảo báo cáo kết quả thẩm tra
II	Dự án cấp huyện quản lý		26	40.838	35.175	49	69.547	49.619	26	16.437	14.646	
	Dự án QTQG											
	Nhóm A											
	Nhóm B											
	Nhóm C		26	40.838	35.175	49	69.547	49.619	26	16.437	14.646	
1		Thành phố Trà Vinh	1	8.500	5.500	7	27.764	12.112	9	4.167	3.735	
2		Huyện Cầu Ngang	3	3.881	3.653							
3		Huyện Cầu Kè	12	10.747	9.375							
4		Thị xã Duyên Hải	0	0	0							

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Dự án trong thời hạn thẩm tra, phê duyệt quyết toán			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm thẩm tra, phê duyệt quyết toán trên 24 tháng			Ghi chú
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng giá trị đề nghị quyết toán	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
5		Huyện Duyên Hải	4	2.024	1.804							
6		Huyện Trà Cú				4	2.155	1.899				
7		Huyện Tiểu Cần	6	15.686	14.843							
8		Huyện Châu Thành				23	25.579	23.540	17	12.270	10.911	
9		Huyện Càng Long				15	14.049	12.068				

b) Dự án chưa nộp hồ sơ quyết toán

STT	Loại dự án (Công trình)	Chủ đầu tư	Dự án trong thời hạn lập báo cáo quyết toán			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán dưới 24 tháng			Dự án chậm nộp báo cáo quyết toán trên 24 tháng		
			Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Tổng số vốn đã thanh toán
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	BÁO CÁO TỔNG SỐ DỰ ÁN										
	Tổng cộng		73	1.226.885	1.031.309	262	1.426.304	722.684	55	185.003	152.602
	Dự án QTQG		0	-	-	0	-	-	0	-	-
	Nhóm A		1	1.098.018	939.139	0	-	-	0	-	-
	Nhóm B		0	-	-	9	1.056.715	462.568	1	58.625	52.265
	Nhóm C		72	128.867	92.170	253	369.589	260.116	54	126.378	100.337
B	CHI TIẾT THEO ĐƠN VỊ CẤP DƯỚI										
I	Dự án cấp tỉnh quản lý		7	1.136.343	966.731	15	1.153.402	513.719	5	124.622	97.788
	Dự án QTQG		0	-	-	0	-	-	0	-	-
	Nhóm A		1	1.098.018	939.139						
		UBND thành phố Trà Vinh		1.098.018	939.139						
	Nhóm B		-	-	-	9	1.056.715	462.568	1	58.625	52.265
1		Sở Nông nghiệp và PTNT				5	800.794	276.319			
2		Sở Giao thông Vận tải				1	81.646	39.910			
3		Sở Nội vụ				1	69.273	56.213			
4		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng							1	58.625	52.265
5		UBND huyện Càng Long				1	74.991	66.446			
6		UBND thị xã Duyên Hải				1	30.011	23.680			
	Nhóm C		6	38.325	27.592	6	96.687	51.151	4	65.997	45.523
1		Sở Nông nghiệp và PTNT							2	20.942	4.525
2		Sở Giao thông Vận tải				2	39.857	26.122			
3		Sở Giáo dục và Đào tạo	2	15.637	10.983						

4		Công ty CP Cấp thoát nước TV				1	29.960	3.712		
5		Công an tỉnh				1	3.000	2.496		
6		Công ty quản lý và phát triển hạ tầng Khu kinh tế và các khu công nghiệp	1	791	690					
7		Trường Cao đẳng Nghề TV	1	6.400	4.925					
8		UBND huyện Duyên Hải				2	23.870	18.821		
9		UBND huyện Cầu Kè	2	15.497	10.994					
10		UBND thành phố Trà Vinh							2	45.055 40.998
II	Dự án cấp huyện quản lý		66	90.542	64.578	247	272.902	208.965	50	60.381 54.814
	Dự án QTQG									
	Nhóm A									
	Nhóm B									
	Nhóm C		66	90.542	64.578	247	272.902	208.965	50	60.381 54.814
1		Thành phố Trà Vinh				6	11.000	9.225	3	767 688
2		Huyện Cầu Ngang	12	8.834	8.143					
3		Huyện Cầu Kè	7	10.145	8.518	11	5.319	4.454	5	10.537 8.514
4		Thị xã Duyên Hải	4	8.046	6.594	1	14.900	5.000		
5		Huyện Duyên Hải	26	48.709	27.151					
6		Huyện Trà Cú				22	25.127	17.655		
7		Huyện Tiểu Cần	17	14.808	14.172	173	154.044	138.380	32	38.938 36.154
8		Huyện Châu Thành				24	54.303	27.261	10	10.139 9.458
		Huyện Càng Long								
9						10	8.209	6.990		

3. Tồn tại, vướng mắc về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

- Theo quy định của pháp luật hiện hành thì kế hoạch đấu thầu của gói thầu thi công xây dựng công trình bao gồm chi phí xây dựng và chi phí hạng mục chung (chi phí nhà tạm và chi phí không xác định từ thiết kế thuộc chi phí khác trong cơ cấu các chi phí của tổng mức đầu tư)
- Theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính thì việc thẩm tra quyết toán các chi phí khác; và chi phí công trình tạm, công trình phụ trợ theo định mức tỷ lệ % (trường hợp không lập dự toán, thiết kế).
- Khi trúng thầu gói thầu thi công xây dựng, đơn vị dự thầu có giá thấp hơn giá gói thầu là phù hợp quy định của Luật Đấu thầu. Tuy nhiên, cơ cấu chi phí theo kế hoạch được duyệt có sự chênh lệch so với dự toán (cụ thể: chi phí xây dựng cao hơn dự toán chi tiết gói thầu; chi phí nhà tạm cao hơn dự toán chi tiết của kế hoạch, được tính bằng định mức và chi phí không xác định từ thiết kế thấp hơn dự toán được tính bằng định mức).
- Như vậy, khi thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành gói thầu thi công xây dựng có xét đến từng cơ cấu các chi phí trong giá trúng thầu để so sánh với dự toán chi tiết từng chi phí được duyệt không? hay chỉ xét trên tổng giá trúng thầu được ghi trong đơn dự thầu (không so sánh cơ cấu chi tiết các chi phí)?

4. Đề xuất và kiến nghị về công tác quyết toán dự án hoàn thành:

Kính đề nghị Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn cơ quan tài chính thẩm tra quyết toán gói thầu thi công xây dựng có bao gồm chi phí hạng mục chung (chi phí nhà tạm và chi phí không xác định từ thiết kế thuộc chi phí khác trong cơ cấu chi phí tổng dự toán)